

NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞI/HEAD OFFICE
201-203 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bàn Cờ, TP.HCM
201-203 Cach Mang Thang Tam Street, Ban Co Ward, HCMC
[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688
[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

Số/No.: 630 /2026/CBTT-NHNA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh City, April 1st, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

PERIODICALLY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission of Vietnam

- Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Vietnam Exchange

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/HoChiMinh Stock Exchange

1. **Tên tổ chức phát hành/Name of organization:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á/
Nam A Commercial Joint Stock Bank.

- Mã chứng khoán/Stock code: NAB.

- Địa chỉ/Address: 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh/
201-203 Cach Mang Thang Tam Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.

- Email: namabank@namabank.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:**

Để thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định, Ngân hàng TMCP Nam Á kính gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh văn bản sau:

To disclose the information in accordance with the regulations, Nam A Commercial Joint Stock Bank respectfully sends to the State Securities Commission of Vietnam, the Vietnam Exchange and the HoChiMinh Stock Exchange the documents as listed below:

+ **Công bố thông tin về Tỷ lệ an toàn vốn tháng 12 năm 2025/Capital Adequacy Ratio Disclosures As Of December 2025.**

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Nam Á:
<https://www.namabank.com.vn>.

This information was published on the company's website as in the link: <https://www.namabank.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/NAMA BANK JH
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/

Authorized Person to disclose information

Ms / PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT/



Nơi nhận/To:

- Như Kính gửi/*As the Greetings part;*
- Lưu/*Archived:* VP HĐQT/*Office of BOD.*

Võ Thị Tuyết Nga

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THÁNG 12/2025

(Theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

Nội dung

Trang

1. Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn	3
2. Cơ cấu Vốn tự có và Tỷ lệ an toàn vốn	3
2.1. Cơ cấu Vốn tự có.....	3
2.2. Tỷ lệ an toàn vốn.....	4
3. Quản trị rủi ro	5
3.1. Rủi ro tín dụng.....	5
3.2. Rủi ro hoạt động.....	9
3.3. Rủi ro thị trường.....	10

1. Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn

Đây là nội dung công bố thông tin liên quan đến Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng TMCP Nam Á (“Nam A Bank”) và công ty con cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025. Các thông tin được công bố phù hợp với Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 5- Nội dung công bố thông tin) và các văn bản sửa đổi bổ sung.

Tại thời điểm 31/12/2025, Nam A Bank có công ty con được hợp nhất khi tính Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất như sau:

Tên công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn cổ phần và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Nam Á (AMC)	500.000	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%

Tại thời điểm 31/12/2025, Nam A Bank chỉ có duy nhất một công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Nam Á (AMC) thuộc lĩnh vực hoạt động là Quản lý nợ và khai thác tài sản.

2. Cơ cấu Vốn tự có và Tỷ lệ an toàn vốn

2.1. Cơ cấu Vốn tự có

a. Nội dung định tính

Tại thời điểm 31/12/2025, vốn điều lệ của Nam A Bank là 17.156.864,8 triệu đồng và không phát sinh các công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ.

b. Nội dung định lượng

Thông tin về Vốn cấp 1, Vốn cấp 2, Giá trị các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có riêng lẻ và hợp nhất của Nam A Bank tính đến thời điểm 31/12/2025 như sau:

Đvt: Triệu đồng

Khoản mục	Chỉ số	Riêng lẻ	Hợp nhất
I	Vốn cấp 1 (I.1 - I.2)	23.402.232	23.430.742
I.1	Cấu phần Vốn cấp 1	23.402.232	23.430.742
I.2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 1	-	-
II	Vốn cấp 2 (II.1 - II.2)	12.766.610	12.766.610
II.1	Cấu phần Vốn cấp 2	12.766.610	12.766.610
II.2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 2	-	-
III.	Các khoản phải giảm trừ khi tính Vốn tự có	(320.366)	(103.369)
TỔNG VỐN TỰ CÓ = (I) + (II) - (III)		35.848.476	36.093.983

Ngày 30/12/2025, lần đầu tiên Nam A Bank phát hành trái phiếu riêng lẻ ra công chúng nhằm tăng trưởng nguồn vốn cấp 2. Khối lượng chào bán đợt 1 là 10.000.000 trái phiếu, tương đương 1.000 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 449/GCN-UBCK UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/11/2025. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, có mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 7 năm và định kỳ trả lãi là 01 năm/lần.

2.2. Tỷ lệ an toàn vốn

a. Nội dung định tính

- Nam A Bank đã xây dựng hệ thống tự động tính toán Tỷ lệ an toàn vốn, ban hành quy định về tổ chức, phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng bộ phận, cá nhân và thực hiện quy trình tính toán Tỷ lệ an toàn vốn theo các bước sau:
 - + Thu nhập, rà soát và tổng hợp dữ liệu đầu vào cho hệ thống tính toán, đảm bảo dữ liệu được cung cấp chính xác và kịp thời;
 - + Tính toán Tỷ lệ an toàn vốn;
 - + Kiểm tra kết quả tính toán Tỷ lệ an toàn vốn, đảm bảo kết quả được tính toán chính xác theo dữ liệu đầu vào và các phương pháp được quy định;
 - + Sử dụng kết quả Tỷ lệ an toàn vốn đã kiểm tra cho việc phân tích và báo cáo.
- Để duy trì Tỷ lệ an toàn vốn đạt mức mục tiêu theo Khẩu vị rủi ro của Nam A Bank đồng thời đáp ứng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, Nam A Bank đã thành lập Hội đồng Quản lý vốn với cơ chế hoạt động phù hợp với yêu cầu tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và các yêu cầu quản trị nội bộ khác với các nội dung chính như sau:
 - + Quy định vai trò, trách nhiệm và nguyên tắc hoạt động giám sát của quản lý cấp cao, các đơn vị và cá nhân nhằm xây dựng hệ thống quản lý an toàn vốn vững chắc đảm bảo quản trị hiệu quả cơ cấu vốn tự có, danh mục tài sản và Tỷ lệ an toàn vốn.
 - + Tính toán vốn cần thiết bù đắp các rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.
 - + Tái cấu trúc vốn để thực hiện tối ưu hóa cơ cấu Vốn tự có, trong đó bao gồm việc phát hành nợ thứ cấp và xây dựng phương án phân phối lợi nhuận phù hợp với điều kiện thị trường.
 - + Thực hiện quản lý, giám sát tỷ lệ an toàn vốn để có những cảnh báo sớm đối với các dấu hiệu nguy cơ dẫn đến suy giảm Tỷ lệ an toàn vốn, từ đó có các hành động kịp thời nhằm khắc phục, đảm bảo an toàn vốn cho hoạt động của Nam A Bank.
 - + Xây dựng và triển khai chính sách xác định lãi suất cho vay dựa trên tính chất rủi ro của khách hàng để đảm bảo lợi nhuận thu được đủ bù đắp rủi ro phát sinh và tạo ra thặng dư kỳ vọng.
 - + Thực hiện phân tích, dự phóng, phân bổ và giám sát mức độ đủ vốn định kỳ và chuẩn mực với sự tham gia của toàn hệ thống.

b. Nội dung định lượng:

Thông tin chi tiết về Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất của Nam A Bank tính đến thời điểm 31/12/2025 như sau:

Dvt: Triệu đồng

Khoản mục	Chỉ số	Riêng lẻ	Hợp nhất
A	Vốn tự có (A1+A2-A3)	35.848.476	36.093.983
A1	Vốn tự có cấp 1	23.402.232	23.430.742
A2	Vốn tự có cấp 2	12.766.610	12.766.610
A3	Các khoản giảm trừ khi tính Vốn tự có	(320.366)	(103.369)
B	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (B1+B2)	302.682.745	302.443.211
B1	Rủi ro tín dụng	302.483.226	302.243.693
B2	Rủi ro tín dụng đối tác	199.519	199.519
C	Vốn yêu cầu đối với rủi ro thị trường	83.769	83.769
D	Vốn yêu cầu đối với rủi ro hoạt động	1.546.191	1.554.639
E	Tỷ lệ an toàn vốn = $\{A / [B+12,5 (C+D)]\} \times 100\%$	11,10%	11,18%
E1	Tỷ lệ Vốn cấp 1 = $\{A1 / [B+12,5 (C+D)]\} \times 100\%$	7,24%	7,26%

3. Quản trị rủi ro

3.1. Rủi ro tín dụng

a. Nội dung định tính

❖ Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

- Quản lý rủi ro tín dụng được thực hiện trong suốt quá trình cấp tín dụng từ đề xuất, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng nhằm tuân thủ quy định của pháp luật và thống nhất chiến lược kinh doanh, chiến lược quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro của toàn Ngân hàng. Trong đó, quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các cá nhân, bộ phận tham gia trong quá trình cấp tín dụng, đảm bảo kiểm soát được xung đột lợi ích giữa cá nhân/bộ phận có chức năng thẩm định với các cá nhân/bộ phận có chức năng quan hệ khách hàng, tái thẩm định, phê duyệt cấp tín dụng, kiểm soát hạn mức rủi ro tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng có vấn đề; trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.
- Nam A Bank áp dụng nhiều biện pháp khác nhau để đảm bảo rủi ro đối với danh mục cấp tín dụng và không ngừng hoàn thiện các quy trình cấp tín dụng, các biện pháp đảm bảo cho khoản cấp tín dụng, quản lý và cảnh báo danh mục, hệ thống cảnh báo sớm, bộ tiêu chí thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở rủi ro và phù hợp với các chức danh, đặc điểm của sản phẩm và khách hàng, đảm bảo sự đa dạng trong hoạt động tín dụng và tuân thủ các giới hạn cấp tín dụng. Kết quả liên quan đến các hoạt động quản lý rủi ro tín dụng được báo cáo định kỳ cho Hội đồng rủi ro, Ban điều hành, Ủy ban Quản lý rủi ro và Hội đồng quản trị.
- Nam A Bank sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm của ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập Moody's, Standard & Poor's, Fitch Ratings để xét hệ số rủi ro cho các khoản phải đòi từ các Định chế tài chính. Trong trường hợp một Định chế tài chính có nhiều hơn một kết quả xếp hạng tín nhiệm độc lập, Nam A Bank sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm thấp nhất.

Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	Riêng lẻ			Hợp nhất		
	TSCRR trước giảm thiểu RRTD	Giảm thiểu RRTD	TSCRR sau giảm thiểu RRTD	TSCRR trước giảm thiểu RRTD	Giảm thiểu RRTD	TSCRR sau giảm thiểu RRTD
Khoản phải đòi tổ chức tài chính	90.585.861	10.420.966	80.164.895	90.585.861	10.420.966	80.164.895
Khoản phải đòi doanh nghiệp	185.886.187	2.010.398	183.875.789	185.886.187	2.010.398	183.875.789
Khoản phải đòi được đảm bảo bất động sản	12.564.049	-	12.564.049	12.564.049	-	12.564.049
Khoản phải đòi nông nghiệp, nông thôn	7.013.413	18.816	6.994.597	7.013.413	18.816	6.994.597
Khoản phải đòi cho vay thế chấp nhà	354.147	-	354.147	354.147	-	354.147
Khoản phải đòi thuộc danh mục bán lẻ	5.290.015	465.137	4.824.878	5.290.015	465.137	4.824.878
Khoản phải đòi khác	14.188.100	283.711	13.904.389	13.946.632	281.776	13.664.856
Tổng	315.881.772	13.199.028	302.682.745	315.640.304	13.197.093	302.443.211

b2. Các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm và tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo thứ tự xếp hạng tín nhiệm độc lập:

- Tổ chức tài chính nước ngoài:

Đvt: Triệu đồng

Thứ hạng tín nhiệm	HSRR	TSCRR	Vốn yêu cầu
AAA, AA+, AA, AA-	20%	50.658	4.053
A+, A, A-, BBB+, BBB, BBB-	50%	9.177	734
BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	20.144	1.612
Tổng		79.979	6.399

- Tổ chức tài chính trong nước:

Đvt: Triệu đồng

Kỳ hạn	Thứ hạng tín nhiệm	HSRR	TSCRR	Vốn yêu cầu
Kỳ hạn ban đầu dưới 3 tháng	AAA, AA+, AA, AA-	10%	-	-
	A+, A, A-, BBB+, BBB, BBB-	20%	2.381	190
	BB+, BB, BB-	40%	30.988.514	2.479.081
	B+, B, B-	50%	18.115.047	1.449.204
	Dưới B- hoặc không có xếp hạng	70%	8.186.241	654.899
Tổng			57.292.183	4.583.374
Kỳ hạn ban đầu trên 3 tháng	AAA, AA+, AA, AA-	20%	-	-
	A+, A, A-, BBB+, BBB, BBB-	50%	399	32
	BB+, BB, BB-	80%	8.809.486	704.759
	B+, B, B-	100%	11.521.901	921.752
	Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	2.460.948	196.876
Tổng			22.792.734	1.823.419

- b3. Cơ cấu tài sản tính theo rủi ro tín dụng phân theo đối tượng (bao gồm Chính phủ, TCTD khác, tổ chức kinh tế, cá nhân):**

Đvt: Triệu đồng

Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	Riêng lẻ		Hợp nhất	
	TSCRR	Vốn yêu cầu	TSCRR	Vốn yêu cầu
Khoản phải đòi Chính phủ Việt Nam, NHNN, Công ty quản lý tài sản (VAMC), Công ty mua bán nợ (DATC)	-	-	-	-
Khoản phải đòi tổ chức tài chính	80.164.895	6.413.192	80.164.895	6.413.192
Khoản phải đòi doanh nghiệp	183.875.789	14.710.063	183.875.789	14.710.063
Khoản phải đòi được đảm bảo BĐS	12.564.049	1.005.124	12.564.049	1.005.124
Khoản phải đòi cho vay thế chấp nhà	354.147	28.332	354.147	28.332
Khoản phải đòi nông nghiệp, nông thôn	6.994.597	559.568	6.994.597	559.568
Khoản phải đòi thuộc danh mục bán lẻ	4.824.878	385.990	4.824.878	385.990
Khoản phải đòi khác	13.904.389	1.112.351	13.664.856	1.093.188
Tổng	302.682.744	24.214.620	302.443.211	24.195.457

- b4. Cơ cấu tài sản tính theo rủi ro tín dụng phân theo ngành đối với khoản cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân:**

b4. Cơ cấu tài sản tính theo rủi ro tín dụng phân theo ngành đối với khoản cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân:

Đvt: Triệu đồng

Ngành nghề	TSCRR	Vốn yêu cầu
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	66,768,760	5,341,501
Hoạt động kinh doanh bất động sản	51,094,925	4,087,594
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	25,950,200	2,076,016
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	20,926,936	1,674,155
Xây dựng	14,086,788	1,126,943
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	12,339,462	987,157
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	6,262,007	500,961
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	6,150,658	492,053
Các ngành khác	18.938.114	1.515.049
Tổng	222.517.850	17.801.428

3.2. Rủi ro hoạt động

a. Nội dung định tính

❖ Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

- Quản lý rủi ro hoạt động là trách nhiệm của toàn thể Cán bộ nhân viên và các Đơn vị trong toàn hệ thống Nam A Bank. Trong đó, cấp quản lý tại mỗi Đơn vị giữ vai trò chịu trách nhiệm chính, là người đầu tiên và cuối cùng đối với công tác quản lý rủi ro hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình.
- Nam A Bank thiết lập mô hình 3 tuyến bảo vệ độc lập nhằm đề cao vai trò, trách nhiệm của từng tuyến trong việc nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro; đồng thời phân tách trách nhiệm và quyền hạn của từng tuyến bảo vệ trong việc kiểm soát rủi ro hoạt động.
- Rủi ro hoạt động được nhận dạng đầy đủ và kịp thời trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nam A Bank, bao gồm: sản phẩm, dịch vụ, hoạt động kinh doanh, quy trình nghiệp vụ, hệ thống công nghệ thông tin, các hệ thống quản lý và các thay đổi có thể ảnh hưởng đến rủi ro. Các Đơn vị có trách nhiệm thường xuyên nhận diện, đo lường, theo dõi, đánh giá các nguy cơ rủi ro hoạt động có thể ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả hoạt động của Nam A Bank để kịp thời phát hiện, kiểm soát, ngăn chặn và báo cáo theo quy định.
- Hạn mức rủi ro hoạt động được thiết lập nhằm hỗ trợ việc theo dõi, giám sát mức độ rủi ro phát sinh trong hoạt động so với ngưỡng cho phép đã được phê duyệt. Việc thiết lập và theo dõi hạn mức giúp cảnh báo sớm các dấu hiệu bất thường, hỗ trợ Đơn vị kịp thời triển khai biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, góp phần đảm bảo hoạt động an toàn và hiệu quả.

❖ Kế hoạch hoạt động liên tục

- Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục được Nam A Bank xây dựng phù hợp với chiến lược kinh doanh, tính chất, quy mô hoạt động, khẩu vị rủi ro của Nam A Bank và đáp ứng với tình hình thực tế tại đơn vị.
- Nam A Bank xác định các hoạt động, nghiệp vụ cần được ưu tiên duy trì, phục hồi, đồng thời đánh giá các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến khả năng phục hồi và thời gian cần thiết để khôi phục hoạt động bình thường.
- Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục được rà soát/điều chỉnh và được thử nghiệm định kỳ tối thiểu hàng năm để xác định mức độ hiệu quả và chỉnh sửa (nếu cần thiết) nhằm phù hợp với những thay đổi trong hoạt động kinh doanh của Nam A Bank.
- Nam A Bank đã xây dựng cơ sở hạ tầng, hoàn thiện quy định kế hoạch duy trì hoạt động liên tục và được điều chỉnh định kỳ nhằm phù hợp với những thay đổi, tình hình thực tiễn trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo CBNV được trang bị đầy đủ kiến thức, kinh nghiệm và sẵn sàng ứng phó với các tình huống; khôi phục được các hoạt động kinh doanh bị gián đoạn về trạng thái bình thường, duy trì hoạt động kinh doanh của Nam A Bank được liên tục.
- Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục đảm bảo phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân, bộ phận/đơn vị khi có khủng hoảng xảy ra; xác định rõ bộ phận/đơn vị đầu mối tiếp nhận thông tin đối với từng sự kiện khủng hoảng và thường xuyên cập nhật thông tin liên lạc khi có sự thay đổi.
- Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch duy trì hoạt động liên tục có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Đơn vị trong toàn hệ thống, bảo đảm tính đồng bộ, xuyên suốt và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình ứng phó và phục hồi hoạt động.

b. Nội dung định lượng: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động

Tại thời điểm 31/12/2025, vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động như sau:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ số kinh doanh	Giá trị bình quân 3 năm		Vốn yêu cầu	
	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất
IC	7.685.980	7.736.308	1.152.897	1.160.446
SC	2.401.480	2.411.899	360.222	361.785
FC	216.051	216.051	32.408	32.408
Tổng	10.303.511	10.364.258	1.545.527	1.554.639

3.3. Rủi ro thị trường

a. Nội dung định tính

❖ Chính sách quản lý rủi ro thị trường

- Chính sách quản lý rủi ro thị trường được Nam A Bank xây dựng cho từng thời kỳ, đảm bảo phù hợp với môi trường và chiến lược kinh doanh của Nam A Bank, tuân thủ các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và các quy định nội bộ của Nam A Bank về quản lý rủi ro thị trường.
- Chính sách bao gồm nguyên tắc, cơ chế quản lý rủi ro thị trường, đảm bảo nguyên tắc độc lập về phân tách chức năng và nhiệm vụ giữa các bộ phận: kinh doanh trực tiếp, quản lý rủi ro, thanh toán và hạch toán.

- Nam A Bank đã ban hành quy định hướng dẫn phân định về sổ kinh doanh và sổ ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Dữ liệu về giao dịch trên sổ kinh doanh và sổ ngân hàng phải được ghi nhận chính xác, đầy đủ và kịp thời vào hệ thống cơ sở dữ liệu.
- Nam A Bank quy định cụ thể các nguyên tắc trong việc nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường trong điều kiện bình thường và điều kiện biến động mạnh về giá/tỷ giá.

❖ **Chiến lược tự doanh**

- Chiến lược tự doanh được xây dựng trên cơ sở các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của các yếu tố thị trường, tình hình tài chính cũng như hạn mức kinh doanh được giao cho bộ phận kinh doanh.
- Chiến lược tự doanh là tài liệu cơ sở, bao quát và định hướng hoạt động tự doanh trong năm của Nam A Bank.

❖ **Danh mục thuộc sổ kinh doanh:**

- Danh mục thuộc sổ kinh doanh của Nam A Bank tại thời điểm 31/12/2025 bao gồm: Danh mục kinh doanh ngoại tệ, vàng.

❖ **Các công cụ quản lý rủi ro thị trường.**

Nam A Bank sử dụng các công cụ sau để đo lường, kiểm soát và thực hiện báo cáo đối với rủi ro thị trường:

- Đánh giá danh mục/ trạng thái theo giá trị thị trường (Mark to market);
- Đánh giá danh mục/ trạng thái theo mô hình (Mark to model);
- Giá trị chịu rủi ro (Value at Risk – VaR);
- Kiểm tra sức chịu đựng (stress testing);
- Hệ thống các hạn mức về quản lý rủi ro thị trường.

b. Nội dung định lượng:

Dvt: Triệu đồng

STT	Rủi ro thị trường	Vốn yêu cầu
1	Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	-
2	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-
3	Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	83.769
4	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-
5	Vốn yêu cầu cho rủi ro quyền chọn	-
Tổng		83.769

Ngày tháng năm 2026

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Khải Hoàn

